TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2024/QĐST-HNGĐ	*Mèo Vạc, ngày 13 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Lò Văn D, sinh năm 1988, địa chỉ: Công an xã X, huyện M, tỉnh H. CCCD số 00.., cấp ngày ..., nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bị đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1984, địa chỉ: Trường THCS xã C, huyện M, tỉnh H. CCCD số 0..., cấp ngày ..., nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị N và anh Lò Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lò Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận (theo nguyện vọng của con):

Chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lò Hoài A, sinh ngày ... cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lò Văn D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị N là 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng/tháng*), bắt đầu từ ngày 01/9/2024; phương thức cấp dưỡng một tháng một lần.

Anh Lò Văn D được quyền đi lại thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị N không được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Tài sản chung: Anh chị không đề nghị giải quyết.

- Công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

- Án phí: Áp dụng khoản 3, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí HNGĐ – ST: Anh Lò Văn D tự nguyện chịu là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Án phí DS-ST: Anh Lò Văn D chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tổng hai loại án phí anh Lò Văn D phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003817 ngày 05/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

Khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kí kết hôn;
(UBND xã Sơn Vĩ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Yên